

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3	7:25	22	0		22	0	
2		CTK3+BK20+VSP01	7:25	1+0+18	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 3-ctk3-bk20
3		BK19+TD5+P9	9:25	4+15+1	0+0+0		0+18+3	0+0+0	
4		TD5+RP2+RC5	9:25	19+2+0	0+0+0		5+5+7	0+0+0	
5		VSP01+TD3	11:25	19+2	0+0		15+7	0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/01/2024	TO: CTK3 - BK20 - VSP01	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - M.Đức - Vũ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOGDANOV E.	CTK3	31	1	10	15	80	KH-THAC	Russian
2	GRICHENKOV IU.	VSP01	33	1	8		89	KH-THAC	Russian
3	VÔ QUANG HUY	VSP01	44-45	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG THANH PHU	VSP01					68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY PHUC	VSP01	38	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	31-32	2	13		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP01	43	1	3	5	71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	40	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
9	CHERNYSHEV	VSP01	42	1	7		114	KH-THAC	Russian
10	HOÀNG TRỌNG CHUNG	VSP01	37	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN TÁT THẮNG	VSP01	39	1	4		63	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	36	1	6	8	68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN SY HIEU	VSP01	41	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	35	1	8	8	82	KH-THAC	Vietnamese
16	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	34	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01					64	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN DUY BÌNH	VSP01	50	1	3		88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	1	1	10	80	15	1+3		CHUYEN 03 PAX TU CTK3 SANG BK20
2	BK20	0	0	0	0	0	0		
3	VSP01	17	16	104	1.299	21	21		
TOTAL		18	17	114	1.379	36	22		
WEIGHT KG				114	1.379	36			

GRAND TOTAL: 1.529 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD3	CREW: Nam - HTrung - Thành -	ETA: 09:20
xanh-1		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD3	93	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	OLEINIK IVAN	TD3	87	1	4		70	KHOAN	Russian
3	CHU VĂN THĂNG	TD3	84	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	69	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	79	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
6	HUỶNH AI HỮU	TD3	83	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH HÙNG	TD3	88	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ TIẾN DŨNG	TD3	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ MẠNH THĂNG	TD3					71	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	78	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ SĨ PHỤNG	TD3	85	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN HIỆU	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN QUANG HÙNG	TD3	74	1	11		78	KHOAN	Vietnamese
14	DANG VIET CUÔNG	TD3	90-91	2	10		65	D-HANH	Vietnamese
15	TÀ HOÀI TRĂNG	TD3	92	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese
16	PHẠM XUÂN TIẾN	TD3	89	1	8	40	58	ANTOAN	Vietnamese
17	ĐỖ TUẤN KHANG	TD3	81-82	2	10		68	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN BÀ HÙNG	TD3	73	1	11		78	DVL	Vietnamese
19	LÊ THANH TỰ	TD3	76	1	6		67	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG SƠN	TD3	75	1	5		72	DVL	Vietnamese
21	LƯƠNG XUÂN ĐƯỢC	TD3	80	1	7		74	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH MƯỜI	TD3	77	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	22	136	1.508	40	22		1CG C Thành
TOTAL		22	22	136	1.508	40	22		
WEIGHT KG				136	1.508	40			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: BK19 - TD5 - P9	CREW: Nam - HTrung - Thành -	ETA: 11:40
XANH-2		MQUÂN	

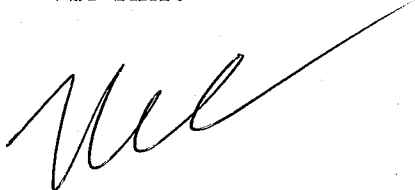
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN GIA HIU	BK19	20	1	11		64	XAYLAP	Vietnamese
2	VU VAN LOI	BK19	21	1	10	13	66	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN DINH PHONG	BK19	19	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN DINH PHU	BK19	17-18	2	18		83	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN HAI	TD5	95	1	3	60	87	KHOAN	Vietnamese
6	ASKAROV DENIS	TD5	21	1	7		83	KHOAN	Russian
7	NGUYEN TAN TAI	TD5	99	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
8	BAO NGUYEN LOC	TD5	98	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN BA HOA	TD5	96	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN ANH	TD5	28	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HOA	TD5	97	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
12	VU LONG PHI	TD5	29	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HUU LOC	TD5	93-94	2	19		79	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	26-27	2	17		85	KHOAN	Vietnamese
15	LE VIET THANG	TD5	22	1	6		59	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN NGHIA	TD5	92	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
17	NGHIEM TRINH NHAT	P9	95	1	11	37	62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

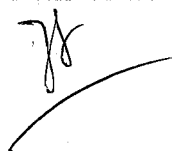
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK19	4	5	49	282	13	0		CA: Phan T. Thanh
2	TD5	12	14	110	885	60	18		
3	P9	1	1	11	62	37	3		
TOTAL		17	20	170	1,229	110	21		
WEIGHT KG				170	1,229	110			

GRAND TOAL: 1.509 KGS

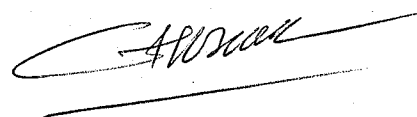
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2024	TO: TD5 - RP2 - RC5	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - M.Đức - Vũ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARIMOV TAGIR	TD5	10	1	15		96	D-HANH	Russian
2	ĐOÀN VĂN MƯỜI	TD5	23	1	14		62	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM THANH TUNG	TD5	07	1	15		100	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN THIÊN	TD5	08-09	2	11	40	64	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ XUÂN	TD5	14	1	12		89	ANTOAN	Vietnamese
6	BUI NGỌC ĐO	TD5	11-12	2	9		71	ANTOAN	Vietnamese
7	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	17	1	10		75	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN SỸ TUÂN	TD5	21	1	14		75	DVL	Vietnamese
9	PHẠM TUNG VY	TD5	18	1	12		70	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC NINH	TD5	16	1	17		72	DVL	Vietnamese
11	LUƠNG MẠNH HAI	TD5	19-20	2	18		75	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC SƠN	TD5	15	1	15		65	DVL	Vietnamese
13	VŨ MẠNH NAM	TD5	13	1	13		75	DVL	Vietnamese
14	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	TD5	27-28	2	12		90	PSV	Vietnamese
15	PHẠM QUANG HUY	TD5	24	1	2	13	64	PSV	Vietnamese
16	LUƠNG ANH HAI	TD5	06	1	4		60	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ QUANG KHAI	TD5	22	1	8		85	PSV	Vietnamese
18	TRƯỜNG NGỌC LINH	RP2	700	1	10		72	NAM TIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TÀI	RP2	98-99	2	12	12	71	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	21	201	1.288	53	5		
2	RP2	2	3	22	143	12	5		
3	RC5	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		19	24	223	1.431	65	17		
WEIGHT KG				223	1.431	65			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/01/2024	TO: VSP01 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - N.Cuong - DTùng	ETA: 14:00
XANH-3			

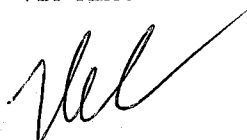
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ANH TUẤN	VSP01					65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	94	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	99	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	55	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	52	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	97	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH THĂNG	VSP01	38-39	2	9		63	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH VĂN THÔN	VSP01					60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP01	40	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	98	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	VSP01	95-96	2	11		75	ANTOAN	Vietnamese
12	LUONG THE HIEN	VSP01	85-86	2	8		65	NIPI	Vietnamese
13	DƯƠNG BA HUNG	VSP01					72	PSV	Vietnamese
14	VŨ VĂN ĐIỆP	VSP01	37	1	4		60	PSV	Vietnamese
15	ĐO VĂN KHUÔNG	VSP01	300	1	6		65	PSV	Vietnamese
16	HÀ THẾ BÌNH	VSP01	53	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	LÊ XUÂN HÀ	VSP01	59,87	2	19		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG LONG	VSP01	54	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO HAI NAM	VSP01	56-58	3	19		70	NIPI	Vietnamese
20	PHẠM THỊ CHINH	VSP01	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG MINH	TD3	66-67	2	13		85	PSV	Vietnamese
22	BUI HAI THANH	TD3	68	1	10	10	70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	20	23	123	1.342	0	13		
2	TD3	2	3	23	155	10	7		
TOTAL		22	26	146	1.497	10	20		
WEIGHT KG				146	1.497	10			

GRAND TOAL: 1.653 KGS

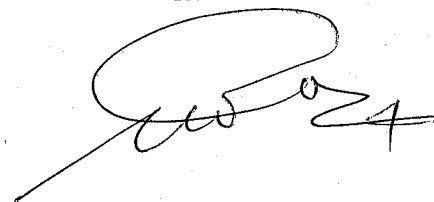
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/01/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TTC2+P6	7:25	8+8+5	0+0+0		2+4+16	0+0+0	
2		BK20+TD1+BK16	7:25	4+18+0	0+0+0		0+20+2	0+0+0	chuyen 1 td1-bk16
3		CLO+P9+P3	7:25	22+0+0	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
4		TTC1+P8+P3	9:25	12+10+0	0+0+0		5+6+11	0+0+0	
5		P6+CLO+BK9	9:25	17+5+0	0+0+0		10+4+8	0+0+0	
6		TD2+CTK3+P8	9:25	0+0+13	0+0+0		0+2+20	0+0+0	chuyen 8 pax td2-ctk3
7		TD1+P2+TTC2	11:25	10+5+1	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
8		BK21+BK19+P6	11:25	8+4+10	0+0+0		4+3+15	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày TTC2-4ng, 8 người đi TD2 chuyển sang CTK3 chuyển 2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2024	TO: TD2 - TTC2 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Nam - Sơn - HIẾU - Thành	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANDREEV ALEKSANDR	TD2					90	D-HANH	Russian
2	BORNIAKOV ALEKSANDR	TD2	55	1	8		105	D-HANH	Russian
3	CHERNOV SERGEI	TD2	54	1	8		94	"	Russian
4	NGUYEN THANH HUNG	TD2	52	1	3		73	"	Vietnamese
5	NGUYEN THANH MINH	TD2	53	1	3		90	"	Vietnamese
6	POPOV ALEXEY	TD2	56	1	5		80	"	Russian
7	KRAPIVKA VADIM	TD2	58	1	5		90	"	Russian
8	MIKHAILOV EVGENII	TD2	57	1	4		80	"	Russian
9	VU VAN TOAN	TTC2					70	D-HANH	Vietnamese
10	CHU MINH HUNG	TTC2	01	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG THẾ ANH	TTC2	97	1	2	100	65	NIPI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN LINH	TTC2	98	1	4		65	NIPI	Vietnamese
13	HOÀNG QUỐC BAO	TTC2					70	KH-THAC	Vietnamese
14	TÀ MẠNH HUNG	TTC2	99	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN THUC	TTC2	400	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	96	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
17	LUU THE ANH	P6	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	VĂN MINH TÂN	P6	37	1	5	40	60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	38	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6	35	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	36	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	8	7	36	702	0	2		
2	TTC2	8	6	33	530	100	4		
3	P6	5	5	20	320	40	16		
TOTAL		21	18	89	1.552	140	22		
WEIGHT KG				89	1.552	140			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: BK20 - TD1 - BK16	CREW: HÙNG - XTrường - PTUẤN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	BK20	33-34	2	20		81	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VIỆT HUÂN	BK20	32	1	13		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	BK20	35	1	15		92	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN HIỂU	BK20	31	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ MINH DŨNG	TD1	63	1	10	12	67	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN QUY	TD1	75	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
7	TRỊNH HUY TOÀN	TD1	72-73	2	11		65	KHOAN	Vietnamese
8	THÁI ĐỨC TOÀN	TD1	61-62	2	10		59	KHOAN	Vietnamese
9	HOÀNG NGỌC SƠN	TD1	67	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	74	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	71	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
12	HỒ VĂN HẬU	TD1	68-69	2	10		61	KHOAN	Vietnamese
13	HOÀNG TUẤN ANH	TD1	76	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG THỰC	TD1	66	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
15	DƯƠNG MINH ĐỨC	TD1	65	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM MINH TRỌNG	TD1	59	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN THÀNH LUÂN	TD1	64	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
18	HOÀNG NGỌC TÙNG	TD1	78	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH TÀI	TD1	70	1	5		56	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD1	60	1	14		64	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN QUANG MINH	TD1	80	1	9		90	XAYLAP	Vietnamese
22	PHI ĐỨC THỊNH	TD1	79	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	4	5	60	319	0	0		CHUYEN 1 PAX TD1-BK16
2	TD1	18	21	139	1.185	12	20		
3	BK16	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	26	199	1.504	12	22		
WEIGHT KG				199	1.504	12			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2024	TO: CLO - P9 - P3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM TIEN NINH	CLO	28	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HUNG	CLO	18	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
3	DANG DUY LY	CLO	22	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
4	LE VAN BINH	CLO	25	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
5	DO TRUONG GIANG	CLO	20	1	13		77	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUONG SINH	CLO	23	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
7	VU MANH HUNG	CLO	12	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	DINH NGOC GIANG	CLO	21	1	2		82	KHOAN	Vietnamese
9	BUI XUAN DUY	CLO	27	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG TIEN	CLO	16-17	2	7		77	KHOAN	Vietnamese
11	DINH XUAN PHU	CLO	19	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TRAN NAM	CLO	24	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN LUC	CLO	07-08	2	10		58	KHOAN	Vietnamese
14	BUI VAN QUYET	CLO	09	1	12		91	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN CHIEN THANG	CLO	06	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
16	BUI MANH PHUC	CLO	10	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
17	TRUONG HUU PHUOC	CLO	05	1	5		62	YTE	Vietnamese
18	HOANG HUU VINH QUY	CLO				70	79	CODIEN	Vietnamese
19	LE VAN NINH	CLO	15	1	17	45	77	CODIEN	Vietnamese
20	VUONG DUC TRONG	CLO	13-14	2	11		75	CODIEN	Vietnamese
21	QUACH SY TY	CLO	26	1	7		66	CODIEN	Vietnamese
22	TRAN VAN HIEP	CLO	11	1	15		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

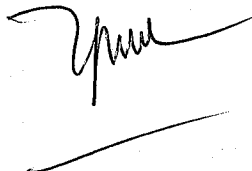
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	24	155	1.587	115	13		
2	P9	0	0	0	0	0	5		
3	P3	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	24	155	1.587	115	22		
WEIGHT KG				155	1.587	115			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: TTC1 - P8 - P3	CREW: Nam - Sơn - HIẾU - Thành	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TOÀN	TTC1	51-52	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ HÙNG TUẤN	TTC1	46	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	49	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	50	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
5	TẠ VĂN CUÔNG	TTC1	42-43	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC HÀ	TTC1	54	1	9		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN KHẮC THẠCH	TTC1	55-56	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN BĂNG	TTC1	47-48	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ NGỌC ANH	TTC1	44-45	2	19		92	XAYLAP	Vietnamese
10	NGO LẠI THÍCH	TTC1	39-40	2	18	15	82	XAYLAP	Vietnamese
11	HOÀNG TRUNG ĐỨC	TTC1	37	1	5		78	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HÒA	TTC1	41	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	ĐINH QUANG TRUNG	P8	59	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	HUỲNH CHÁNH PHÁT	P8	57	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN BA ĐẠT	P8	62	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CHÂU NAM	P8	58	1	12		95	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ XUÂN THIANH	P8	51	1	4	15	78	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG TRUNG HẬU	P8	52	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ QUANG HIỀN	P8					70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	55-56	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG THÀNH TRUNG	P8	53	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	12	18	137	875	15	5		CG: P-T-Thanh
2	P8	10	10	58	726	15	6		
3	P3	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	28	195	1.601	30	22		
WEIGHT KG				195	1.601	30			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2024	TO: P6 - CLO - BK9	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HƯNG - XTrường - PTUẤN	ETA: 11:45
CAM-2			

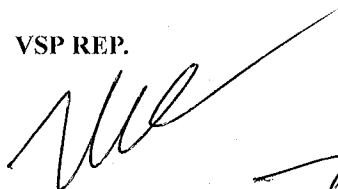
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUANG HUNG	P6	60-+62	3	15		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH HOAI NAM	P6	97	1	15	22	84	KH-THAC	Vietnamese
3	VU DINH SY	P6	47-48	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH LE	P6	44	1	5		70	YTE	Vietnamese
5	HOANG TUAN	P6	58-59	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI MẠNH KHANH CUONG	P6	56-57	2	15		83	KH-THAC	Vietnamese
7	LAM VAN KHUONG	P6	43	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO VAN SANG	P6	50	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM NGOC AN	P6	51	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG BACH	P6	54-55	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN BANG	P6	100	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN THIN	P6	42	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN KHAC HONG	P6	45	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	P6	46	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG MẠNH THANG	P6	52	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN HUY THONG	P6	53	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
17	VU VAN SY	P6	49	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUNG DUNG	CLO	22	1	11		75	DVL	Vietnamese
19	LUU DINH TRONG	CLO	21	1	13		80	DVL	Vietnamese
20	LE HOAI THIEN	CLO	20	1	14	12	76	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN VU QUOC	CLO	23	1	7		66	DVL	Vietnamese
22	CAO KINH THAO	CLO	25	1	12		70	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

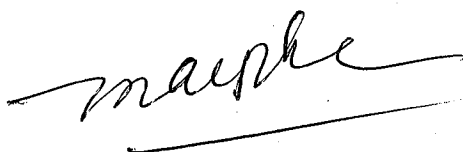
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	17	23	143	1.197	22	10		
2	CLO	5	5	57	367	12	4		
3	BK9	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	28	200	1.564	34	22		
WEIGHT KG				200	1.564	34			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

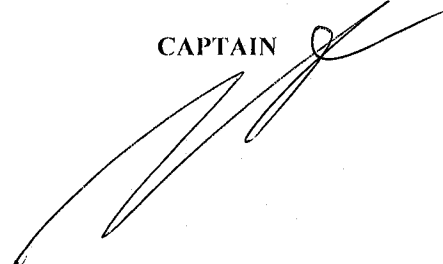
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: N0 6	TO: TD2 - CTK3 - P8	CREW: PHÚ - ĐỨC - thông	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	59-60	2	13	4	78	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ANH TRI	P8	35	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN NHAN	P8	42-44	3	13		72	YTE	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN DU	P8	37	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN TRI	P8	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	38	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG TIỀN	P8	32	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIỀN VŨ	P8	81	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ CHÈ LINH	P8	45	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG TÍNH	P8	40	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN TÂN	P8	34	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH VINH	P8	33	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	39	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	41	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	0	0	0	0	0	0	+ 8	CHUYEN 8 PAX TD2-CTK3
2	CTK3	1	2	13	78	4	2		
3	P8	13	15	76	880	0	20		
TOTAL		14	17	89	958	4	22		
WEIGHT KG				89	958	4			

GRAND TOAL: 1.051 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/01/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: TD1 - P2 - TTC2	CREW: CHIẾN - ĐNam - MQUÂN	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC LỢI	TD1	87-88	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN KHUYNH	TD1	82-83	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN TUYẾN	TD1	92-93	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG TỔ HIỆU	TD1	85	1	15	12	79	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM TUẤN ANH	TD1	89	1	20	8	46	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH TÂM	TD1	81	1	11		78	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH KIẾT	TD1	95	1	12	17	72	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG VINH	TD1	91	1	13		84	XAYLAP	Vietnamese
9	ZHDANOV	TD1	84	1	17		130	KHOAN	Russian
10	ĐINH VĂN THIÊN	P2	44-45	2	18	20	60	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN THANH QUANG	P2	97	1	9	5	70	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐO TRỌNG LƯỢNG	P2	46-47	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC NAM	P2	800	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
14	NIÊM NGỌC THÀNH	P2	98-99	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	07	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	12	143	697	37	0		
2	P2	5	8	79	328	25	17		
3	TTC2	1	1	5	75	0	5		
TOTAL		15	21	227	1.100	62	22		
WEIGHT KG				227	1.100	62			

GRAND TOAL: 1.389 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Rep

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/01/2024	TO: BK21 - BK19 - P6	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: N0 8	FROM: VT	CREW: TTrung - Dương - Huy	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BACH ANH TUAN	BK21	66	1	5	18	68	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG TRONG PHUC	BK21	67-68	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
3	VU DUC DUNG	BK21	69	1	12		90	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN NINH	BK21	65	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
5	DAO DINH CUONG	BK21	64	1	16		80	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN TUAN VIET	BK21	62-63	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
7	TRINH QUANG KHANH	BK21	60-61	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN THUAT	BK21	70	1	7		79	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN THANH NGOC	BK19	26	1	11	16	105	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO MINH HOANG	BK19	23-24	2	17		74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DINH DUC	BK19	25	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
12	VU DUC TUAN	BK19	27	1	6		67	PSV	Vietnamese
13	МИРСАЯПОВ Р.Р.	P6	70	1	5		105	KH-THAC	Russian
14	TRINH HOANG NGUYEN	P6	69	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	KIREEV MARAT	P6	68	1	5		85	NIPI	Russian
16	NGUYEN THI HANG	P6	72	1	4		54	NIPI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TRUONG	P6	71	1	4		67	PSV	Vietnamese
18	VU VAN PHUC	P6	66	1	2		51	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN TRONG	P6	64	1	7		95	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN KIEN	P6	63	1	6		63	PSV	Vietnamese
21	HÔ QUỐC VŨ	P6	67	1	7		72	PSV	Vietnamese
22	LE MINH HUY	P6	65	1	7		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	8	11	108	589	18	4		
2	BK19	4	5	37	312	16	3		
3	P6	10	10	51	729	0	15		
TOTAL		22	26	196	1.630	34	22		
WEIGHT KG				196	1.630	34			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP